

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2024

v/v thành lập Ban chỉ huy công trình

- Căn cứ theo Hợp đồng số: 297-24/TSN-TĐBĐ ký ngày 13 tháng 11 năm 2024 giữa Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ với Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP về việc thực hiện Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn - CHKQT Tân Sơn Nhất

ĐIỀU 1: Giao nhiệm vụ cho các Ông (Bà) có tên sau đây theo dõi chỉ đạo, giám sát, thi công, nghiệm thu, ký các văn bản kỹ thuật tại hiện trường công trình thi công Hợp đồng số: 297-24/TSN-TĐBĐ ký ngày 13 tháng 11 năm 2024

ĐIỀU 2: Các Ông có tên trong danh sách trên và các phòng Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

- Như điều 2
- Lưu Trung tâm

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ**



GIÁM ĐỐC
TS. Lê Đức Tình

TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

Số: 297-24/TSN-TĐBĐ

Gói thầu số 3: Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn
– CHKQT Tân Sơn Nhất

Thuộc công trình: Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn
– CHKQT Tân Sơn Nhất

Giữa

Chủ đầu tư: Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh
Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.

Và

Nhà thầu: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc
địa Bản đồ

Năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	4
PHẦN I. THÔNG TIN GIAO DỊCH	5
PHẦN II. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG	6
PHẦN III. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG	9
Điều 1. Diễn giải	9
Điều 2. Loại hợp đồng	9
Điều 3. Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên.....	9
Điều 4. Trao đổi thông tin	10
Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng.....	10
Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng).....	10
Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng Tư vấn	11
Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng	11
Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng.....	12
Điều 10. Giá hợp đồng.....	12
Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng	12
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn.....	13
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư	15
Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có).....	15
Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn.....	16
Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu	16
Điều 17. Bảo hiểm	16
Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng	16
Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng	18
Điều 20. Chấm dứt hợp đồng.....	18
Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng.....	20
Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn	20
Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng.....	20
Điều 24. Tạm ứng và thanh toán	21
Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp	21
Điều 26. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại.....	22
Điều 27. Điều khoản chung.....	22

PHẦN IV. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG	23
Điều 2. Loại hợp đồng	23
Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng.....	23
Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng).....	23
Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng	23
Điều 10. Giá hợp đồng.....	23
Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng	23
Điều 20. Chấm dứt hợp đồng.....	24
Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn.....	24
Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng.....	24
Điều 24. Tạm ứng và thanh toán	25
Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp	25
Điều 26. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại.....	25
Điều 27. Điều khoản chung	26

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSDX	Hồ sơ đề xuất
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Nghị định số 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

PHẦN I. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày 13/11/2024 tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư (Bên A)

- Tên giao dịch : **CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP**
- Đại diện là : Ông **ĐẶNG NGỌC CƯƠNG**
- Chức vụ : Giám đốc
- Địa chỉ : 58 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 028.3848.5383 Fax: 028.3848.7172.
- Số tài khoản : 13800 21466 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Bến Nghé.
- Mã số thuế : 0311638525-003

2. Nhà thầu tư vấn (Bên B)

- Tên giao dịch : **TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ**
- Đại diện là : Ông **LÊ ĐỨC TÌNH**
- Chức vụ : Giám đốc.
- Địa chỉ : Tầng 1, nhà A, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.
- Số tài khoản : 3100211000206 tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam chi nhánh Từ Liêm, Hà Nội.
- Mã số thuế : 0100811629

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng tư vấn “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn – CHKQT Tân Sơn Nhất” của công trình “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn – CHKQT Tân Sơn Nhất” như sau:

PHẦN II. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/06/2024 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 24/2021/TT-BGTVT ngày 22/11/2021 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, bảo trì công trình hàng không;

Căn cứ Thông tư 02/2023/TT-BXD ngày 03/03/2023 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-HĐQT ngày 13/4/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP về việc Thành lập Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 115/QĐ-HĐQT ngày 26/04/2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP;

Căn cứ Quyết định số 139/QĐ-HĐQT ngày 19/05/2020 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Cảng HKQT Tân Sơn Nhất trực thuộc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP và Quyết định số 84/QĐ-HĐQT ngày 08/03/2023 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/QĐ-HĐQT ngày 19/05/2020;

Căn cứ Quyết định số 29/QĐ-HĐQT ngày 25/2/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP về việc Ban hành Quy chế quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, đầu tư mua sắm hàng hóa của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

– CTCP và Nghị quyết số 55/NQ-HĐQT ngày 23/03/2021 của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc điều chỉnh dự án theo Quy chế quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, đầu tư mua sắm hàng hóa của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP ban hành kèm theo Quyết định số 29/QĐ-HĐQT ngày 25/2/2021;

Căn cứ Quyết định số 2659/QĐ-TCTCHKVN ngày 02/07/2024 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP về việc giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 cho Cảng HKQT Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 3651/QĐ-CHKQTTSN ngày 20/09/2024 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc phê duyệt Nhiệm vụ quan trắc lún đường CHC, đường lăn; Dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 3 “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn – CHKQT Tân Sơn Nhất” của công trình “Thiết lập mốc quan trắc lún đường CHC, đường lăn – Cảng HKQT Tân Sơn Nhất”;

Căn cứ Quyết định số 3750/QĐ-CHKQTTSN ngày 25/09/2024 của Giám đốc Cảng HK quốc tế Tân Sơn Nhất về việc thành lập Bên mời thầu, Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu và tổ Thẩm định hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 3 “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn – CHKQT Tân Sơn Nhất” của công trình “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn – CHKQT Tân Sơn Nhất”;

Căn cứ Quyết định số 4013/QĐ-CHKQTTSN ngày 07/10/2024 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu dịch vụ tư vấn qua mạng gói thầu số 3 “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn – CHKQT Tân Sơn Nhất” của công trình “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn – CHKQT Tân Sơn Nhất”;

Căn cứ Quyết định số 4418/QĐ-CHKQTTSN ngày 25/10/2024 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc xử lý tình huống khi tại thời điểm đóng thầu có 01 nhà thầu tham gia dự thầu gói thầu số 3 “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn – CHKQT Tân Sơn Nhất” của công trình “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn – CHKQT Tân Sơn Nhất”;

Căn cứ Công văn làm rõ số 07-3/CV-BMT ngày 28/10/2024 của Bên mời thầu – Cảng HKQT Tân Sơn Nhất V/v: Làm rõ E-HSDT gói thầu số 3 “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn – CHKQT Tân Sơn Nhất” của công trình “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn – CHKQT Tân Sơn Nhất”;

Căn cứ Công văn số 28-10/2024/CV-TĐBĐ ngày 28/10/2024 của Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa Bản đồ về việc làm rõ E-HSDT gói thầu số 3 “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn – CHKQT Tân Sơn Nhất” của công trình “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn – CHKQT Tân Sơn Nhất”;

Căn cứ Báo cáo số 08-3/BC-TCG ngày 01/11/2024 của Tổ chuyên gia V/v: Báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật gói thầu số 3 “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn – CHKQT Tân Sơn Nhất” của công trình “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn – CHKQT Tân Sơn Nhất”;

Căn cứ Quyết định số 4661/QĐ-CHKQTTSN ngày 06/11/2024 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu số 3 “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn – CHKQT Tân Sơn Nhất” của công trình “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn – CHKQT Tân Sơn Nhất”;

Căn cứ Báo cáo số 12-3/BC-TCG ngày 07/11/2024 của Tổ chuyên gia V/v: Báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất tài chính gói thầu số 3 “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn – CHKQT Tân Sơn Nhất” của công trình “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn – CHKQT Tân Sơn Nhất”;

Căn cứ Thông báo số 13-3/TB-BMT ngày 07/11/2024 của Bên mời thầu – Cảng HKQT Tân Sơn Nhất V/v: Kiểm tra đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng thực hiện gói thầu số 3 “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn – CHKQT Tân Sơn Nhất” của công trình “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn – CHKQT Tân Sơn Nhất”;

Căn cứ Biên bản kết quả đối chiếu tài liệu số 14-3/BB-BMT ngày 08/11/2024 của Bên mời thầu về việc đối chiếu hồ sơ dự thầu gói thầu số 3 “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn – CHKQT Tân Sơn Nhất” của công trình “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn – CHKQT Tân Sơn Nhất”;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng số 15-3/BBTT-BMT ngày 08/11/2024 giữa Bên mời thầu - Cảng HK quốc tế Tân Sơn Nhất và Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa Bản đồ Vv: Thương thảo hợp đồng gói thầu số 3 “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn – CHKQT Tân Sơn Nhất” của công trình “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn – CHKQT Tân Sơn Nhất”;

Căn cứ Quyết định số 4803/QĐ-CHKQTTSN ngày 12/11/2024 của Giám đốc Cảng HK quốc tế Tân Sơn Nhất về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 3 “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn – CHKQT Tân Sơn Nhất” của công trình “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn – CHKQT Tân Sơn Nhất”;

Căn cứ Thông báo số 4804/TB-CHKQTTSN ngày 12/11/2024 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 3 “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn – CHKQT Tân Sơn Nhất” của công trình “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn – CHKQT Tân Sơn Nhất”;

Căn cứ Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số 4805/TB-CHKQTTSN ngày 12/11/2024 của Bên mời thầu – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;

Căn cứ Công văn số 12-11/2024/TB/TĐBĐ ngày 12/11/2024 của Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa Bản đồ về việc chấp thuận hoàn thiện ký hợp đồng gói thầu Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn – CHKQT Tân Sơn Nhất.

PHẦN III. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.
2. Nhà thầu tư vấn là Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa Bản đồ.
3. Dự án là dự án “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn – CHKQT Tân Sơn Nhất”.
4. Công trình là “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn – CHKQT Tân Sơn Nhất”.
5. Gói thầu là gói thầu số 3 “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn – CHKQT Tân Sơn Nhất”.
6. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.
7. Đại diện Nhà thầu tư vấn là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong Hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt cho Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.
8. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu tư vấn để trực tiếp thực hiện công việc.
9. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên].
10. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
11. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
12. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.
13. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [quy định tại ĐKCT]

Điều 3. Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên.

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây:
2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:
 - a) Văn bản thông báo trúng thầu;

- b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc Điều khoản tham chiếu của hợp đồng;
 - c) Điều kiện chung của hợp đồng;
 - d) E-HSMT của Chủ đầu tư;
 - e) E-HSDT của Nhà thầu tư vấn;
 - f) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;
 - g) Các phụ lục của hợp đồng;
 - h) Nhiệm vụ Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn – CHKQT Tân Sơn Nhất đã được Chủ đầu tư phê duyệt;
 - i) Các tài liệu khác có liên quan.
3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

- 1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định, ... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.
- 2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

- 1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
- 2. Ngôn ngữ của Hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng)

- 1. Việc thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng theo quy định lần lượt tại Điều 16 và Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.
- 2. Nhà thầu tư vấn phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị là ____ [quy định tại **ĐKCT**].
- 3. Nhà thầu tư vấn sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp nhà thầu từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực và các trường hợp vi phạm khác được quy định trong hợp đồng.
- 4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được hoàn trả cho Nhà thầu tư vấn khi đã hoàn thành các công việc theo thỏa thuận của hợp đồng.
- 5. Nhà thầu tư vấn phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương giá trị khoản tiền tạm ứng trước khi Chủ đầu tư thực hiện việc tạm ứng. Nếu là liên danh các Nhà thầu tư vấn thì từng thành viên trong liên danh phải nộp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương với giá trị khoản tiền tạm ứng cho từng thành viên.
- 6. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán.

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng Tư vấn

1. Nhà thầu thực hiện công tác Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lán – CHKQT Tân Sơn Nhất tuân thủ theo quy định của E-HSMT của Chủ đầu tư, E-HSDT của Nhà thầu, bao gồm nhưng không giới hạn:
 - a) Rà soát lại hồ sơ Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lán – CHKQT Tân Sơn Nhất, đề xuất chỉnh sửa, bổ sung (nếu có) nhằm đảm bảo chất lượng công tác quan trắc tuân thủ theo các quy định hiện hành.
 - b) Lập phương án kỹ thuật quan trắc theo quy định tại Điều 27 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.
 - c) Phạm vi quan trắc trong giới hạn khu bay bao gồm khu vực đường CHC, đường lán thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý, cụ thể như sau:
 - Thiết lập mốc quan trắc lún để quan trắc đường cất hạ cánh, đường lán.
 - Xây dựng lại mốc quan trắc lún cơ sở RTSN2 đã hư hỏng.
 - Đo đạc chu kỳ quan trắc đầu tiên và chu kỳ 2.
 - Một số công tác khác có liên quan.
 - Khu vực thiết lập mốc và quan trắc lún:
 - + Toàn bộ đường CHC 25L/07R và 25R/07L;
 - + Đường lán S1, S3, S4, S5, S6, S7, S8, S9, S10;
 - + Đường lán P1, P2, P3, P4, P5, P6;
 - + Đường lán song song V từ điểm giao cắt đường lán S10 đến điểm giao cắt với đường lán S8;
 - + Đường lán song song S từ điểm giao cắt đường lán S10 đến điểm giao cắt với đường lán S5.
2. Sản phẩm hợp đồng tư vấn:

Sản phẩm của hợp đồng Tư vấn thiết lập mốc và quan trắc lún mà Nhà thầu nộp bao gồm:

 - a) Báo cáo tổng kết, trong đó:
 - Sơ đồ chọn điểm;
 - Báo cáo mốc quan trắc lún;
 - Các kết quả đo đạc và bình sai mạng lưới độ cao và tính toán độ lún của chu kỳ đo;
 - Bảng tổng hợp về độ cao sau bình sai của các mốc theo chu kỳ;
 - Báo cáo kỹ thuật thiết lập hệ thống mốc quan trắc lún;
 - Các phụ lục kèm theo (nếu có).
 - b) Nhật ký quan trắc.

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý

dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được bên nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của Hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa hai bên.
2. Phương án kỹ thuật quan trắc được duyệt.
3. Hồ sơ báo cáo kết quả thiết lập mốc và quan trắc lún được chấp thuận.
4. Quy định của pháp luật; quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

Điều 10. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng
 - a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: [quy định tại **ĐKCT**].
 - b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 11 [Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng].
2. Nội dung của giá hợp đồng
 - a) Giá hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo hợp đồng, đến bản quyền, lợi nhuận của Nhà thầu và tất cả các loại thuế, phí liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật, bao gồm: chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí chung, chi phí lán trại, chi phí lập phương án và báo cáo kết quả khảo sát, chi phí di chuyển lực lượng khảo sát, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.
 - b) Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:
 - Chi phí cho các cuộc họp của bên giao thầu.
 - Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.
 - Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng
 - Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Thông tư 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng. Việc áp dụng các phương pháp điều chỉnh giá phải phù hợp với tính chất công việc, loại giá hợp đồng, đồng tiền thanh toán và phải được thỏa thuận trong hợp đồng.
 - Đối với hợp đồng tư vấn xây dựng thực hiện thanh toán theo thời gian (theo tháng, tuần, ngày, giờ) thì việc điều chỉnh mức tiền lương cho chuyên gia thực hiện theo công thức điều chỉnh cho một yếu tố chi phí nhân công tại mục I Phụ lục I kèm theo Thông tư 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn
 - Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.
 - Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn [quy định tại **ĐKCT**].
3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn
 - Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.
 - Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.
 - Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:
 - + Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.
 - + Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.
 - Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn

1. Quyền của nhà thầu tư vấn:
 - a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).
 - b) Được đề xuất thay đổi điều kiện chung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.
 - c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của chủ đầu tư.
 - d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).
 - e) Được quyền yêu cầu bên giao thầu thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn:

- a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.
- b) Bảo quản và bàn giao lại cho chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do chủ đầu tư cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).
- c) Thông báo ngay bằng văn bản cho chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.
- d) Giữ bí mật các thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật quy định.
- e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của bên nhận thầu theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho bên nhận thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm.

- f) Thực hiện công việc theo đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.
- g) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.
- h) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp tình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức.
- i) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.
- j) Cử đại diện có thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng.
- k) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.
- l) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

- m) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư

1. Quyền của chủ đầu tư:

- a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.
- b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.
- c) Kiểm tra chất lượng công việc của nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của nhà thầu tư vấn.
- d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.
- e) Yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của chủ đầu tư:

- a) Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn các thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và phương tiện cần thiết để thực hiện các công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).
- b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.
- c) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.
- d) Thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- e) Hướng dẫn Nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án; tạo điều kiện để Nhà thầu tư vấn được tiếp cận với công trình, thực địa.
- f) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn.
- g) Tạo điều kiện cho Nhà thầu tư vấn thực hiện công việc tư vấn xây dựng, thủ tục hải quan (nếu có).
- h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu tư vấn nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có)

- 1. Đối với nhà thầu phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, Nhà thầu phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ cũng như phạm vi công việc mà nhà thầu phụ sẽ đảm nhận để chủ đầu tư xem xét chấp thuận trước khi ký Hợp đồng thầu phụ.
- 2. Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của nhà thầu phụ.
- 3. Nhà thầu cam kết với chủ đầu tư rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng thầu phụ.

Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn.

1. Nhân lực của nhà thầu và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng.
2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện phải phù hợp với kế hoạch, tiến độ thực hiện hợp đồng. Trường hợp thay đổi nhân sự, nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà thầu thì nhân sự đó coi như được chủ đầu tư chấp thuận.
3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho chủ đầu tư trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.
4. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.
5. Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

1. Nhà thầu tư vấn sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu tư vấn.
2. Nhà thầu tư vấn phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà thầu tư vấn thực hiện và cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.
3. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 17. Bảo hiểm

Nhà thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.
3. Thông báo về bất khả kháng:
 - a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.
 - b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.
4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:
 - a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.
 - b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.
 - c) Nhà thầu tư vấn phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm chi phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.
 - d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.
5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:
 - a) Nếu Nhà thầu tư vấn bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:
 - Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).
 - Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng
 - b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.
 - c) Việc xử lý các hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.
6. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm.
 - a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

- b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn:
- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã thực hiện mà giá đã được nêu trong hợp đồng.
 - Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu tư vấn, hoặc những thứ Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm chấp thuận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán, và Nhà thầu tư vấn sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu tư vấn

- a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).
 - b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu tư vấn phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.
 - c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu tư vấn phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.
3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng.

1. Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu tư vấn. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

- a) Nhà thầu tư vấn không tuân thủ về bảo đảm thực hiện hợp đồng tại Điều 6 (nếu các bên có thỏa thuận bảo đảm thực hiện hợp đồng).
- b) Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng [quy định tại **ĐKCT**] mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

- c) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc [quy định tại **ĐKCT**] liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.
 - d) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.
 - e) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.
 - f) Nhà thầu tư vấn từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].
 - g) Nhà thầu tư vấn cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.
 - h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 18 [Rủi ro và bất khả kháng].
- Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.
2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu tư vấn
- Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là [quy định tại **ĐKCT**] trong các trường hợp sau đây:
- a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**].
 - b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.
 - c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].
 - d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [quy định tại **ĐKCT**].
 - e) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.
3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.
4. Khi một trong hai bên chấm dứt Hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 10 [Giá hợp đồng] và Điều 24 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán Hợp đồng
 - a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.
 - b) Trong vòng 14 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo qui định của Hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 06 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:
 - Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
 - Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
 - Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.
 - c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.
 - d) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho nhà thầu.
2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 20 [Chấm dứt Hợp đồng].

Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng được quy định cụ thể tại Phụ lục số 02 [Tiến độ thực hiện công việc] với tổng thời gian thực hiện là [quy định tại **ĐKCT**].
2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.
3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn.

Điều 24. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng:

Thời gian chậm nhất là [quy định tại **ĐKCT**], Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu tư vấn là [quy định tại **ĐKCT**] với số tiền là [quy định tại **ĐKCT**].

2. Tiến độ thanh toán:

- Số lần thanh toán là [quy định tại **ĐKCT**].
- Giá trị mà Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo các lần thanh toán cụ thể là ____ [quy định tại **ĐKCT**].
- Lần cuối cùng sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành các công việc theo nghĩa vụ trong hợp đồng.
- Trong vòng [quy định tại **ĐKCT**], kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn, Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành nội dung công việc;
- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng;
- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này (Biểu mẫu theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công).
- Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ

4. Riêng hợp đồng đơn giản, quy mô nhỏ, việc tạm ứng hoặc không tạm ứng do Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn xem xét, thống nhất theo đề nghị của Nhà thầu tư vấn bảo đảm phù hợp với yêu cầu của gói thầu, giảm bớt thủ tục không cần thiết.

5. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng [quy định tại **ĐKCT]. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.**

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp

với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: [quy định tại **ĐKCT**].

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Giải quyết tranh chấp: [quy định tại **ĐKCT**].

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 26. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng hợp đồng: Trường hợp Nhà thầu tư vấn hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng sớm hơn so với thời hạn quy định trong hợp đồng này, mang lại hiệu quả cho Chủ đầu tư thì cứ khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**] Chủ đầu tư sẽ thưởng cho Nhà thầu tư vấn với mức thưởng tối đa [quy định tại **ĐKCT**].

2. Phạt vi phạm hợp đồng:

- Đối với Nhà thầu tư vấn: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**] thì phạt [quy định tại **ĐKCT**] nhưng tổng số tiền phạt không quá [quy định tại **ĐKCT**].
- Đối với Chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho Nhà thầu tư vấn theo quy định tại Điều 10 [Giá hợp đồng] và Điều 24 [Tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường cho Nhà thầu tư vấn theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà Nhà thầu tư vấn mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn.

3. Bồi thường thiệt hại:

Bồi thường thiệt hại: [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 27. Điều khoản chung

- Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.
- Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu hợp đồng.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm [quy định tại **ĐKCT**].
- Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu tư vấn sẽ giữ [quy định tại **ĐKCT**].

PHẦN IV. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 2. Loại hợp đồng

Hợp đồng trọn gói.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

2. Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng)

Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không áp dụng.

Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng: Thực hiện theo quy định.

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của Hợp đồng là 06 bộ (bao gồm bản in giấy và file mềm).

Điều 10. Giá hợp đồng

- Giá hợp đồng được xác định với số tiền là: 872.340.605 đồng (Bằng chữ: Tám trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi ngàn, sáu trăm lẻ năm đồng chẵn).
- Giá hợp đồng bao gồm bao gồm toàn bộ các phí, lệ phí, thuế 8% và bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp.
- Chi tiết giá hợp đồng theo Phụ lục 02 của hợp đồng.

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

2. Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn:
 - Trường hợp Chủ đầu tư có yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong hợp đồng thì đối với khối lượng công việc này các bên sẽ thỏa thuận và điều chỉnh tương ứng.
 - Đối với khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng tư vấn đã ký kết mà chưa có đơn giá trong hợp đồng thì được xác định trên cơ sở thỏa thuận hợp đồng và quy định pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Các bên sẽ tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở cho việc thanh toán, quyết toán hợp đồng.
3. Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng:
 - Trường hợp thời hạn hoàn thành công việc tư vấn chậm so với tiến độ công việc của Hợp đồng do lỗi của Nhà thầu thì Nhà thầu phải có giải pháp khắc phục để đảm bảo tiến độ hợp đồng. Nếu tiến độ thực hiện hợp đồng bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã ký thì Nhà thầu phải kiến nghị Chủ đầu tư gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp phát sinh chi phí thì Nhà thầu phải khắc phục bằng chi phí của mình. Nếu gây thiệt hại cho Chủ đầu tư thì nhà thầu phải bồi thường.
 - Trường hợp thời hạn hoàn thành hợp đồng tư vấn chậm so với tiến độ của hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư phải gia hạn thời gian thực

hiện hợp đồng. Trường hợp gây thiệt hại cho Nhà thầu thì phải bồi thường.

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 14 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

- Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 14 ngày mà chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư về sai sót đó.
- Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng] của Phần III, hoặc 45 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 07 ngày trong các trường hợp sau đây:

- Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 45 ngày liên tục.
- Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] của Phần III, sau khoảng thời gian 45 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.
- Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 15 ngày.

Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 02 lần:

- Lần 1: Sau khi Nhà thầu tư vấn thực hiện xong công tác thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn chu kỳ 1 và các hồ sơ Báo cáo kết quả thiết lập mốc, quan trắc lún đường CHC, đường lăn được Chủ đầu tư chấp thuận.
- Lần 2: Sau khi hồ sơ Báo cáo kết quả quan trắc lún đường CHC, đường lăn chu kỳ 2 được Chủ đầu tư chấp thuận.

Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do Nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng Nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng.

Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Tiến độ thực hiện hợp đồng được quy định cụ thể tại Phụ lục số 02 [Tiến độ thực hiện công việc] với tổng thời gian thực hiện là 230 ngày kể từ ngày Cơ quan quản lý cấp phép triển khai thực hiện công việc.

Điều 24. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng:

- Khi hợp đồng có hiệu lực, đồng thời Chủ đầu tư nhận được chứng thư bảo lãnh tạm ứng, trong thời gian chậm nhất 14 ngày, Chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu tư vấn là 20% giá trị hợp đồng tương đương (làm tròn): **174.468.000 đồng** (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tư triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng chẵn).
- Thu hồi tạm ứng: Số tiền tạm ứng sẽ được thu hồi trong đợt thanh toán đầu tiên.

2. Tiến độ thanh toán:

- Số lần thanh toán là 02 lần.
 - + Đợt 1: Sau khi Nhà thầu tư vấn thực hiện xong công tác thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn chu kỳ 1 và các hồ sơ Báo cáo kết quả thiết lập mốc, quan trắc lún đường CHC, đường lăn được Chủ đầu tư chấp thuận, chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu 90% giá trị phần công tác thiết lập mốc và quan trắc lún được nghiệm thu (có trừ giá trị tạm ứng).
 - + Đợt 2: Sau khi hồ sơ Báo cáo kết quả quan trắc lún đường CHC, đường lăn chu kỳ 2 được Chủ đầu tư chấp thuận, Chủ đầu tư thanh toán toàn bộ giá trị còn lại theo hồ sơ quyết toán.
- Trong vòng 14 ngày, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn, Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

3. Hình thức thanh toán: chuyển khoản.

Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 7 ngày.
2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.
3. Thời gian để tiến hành hòa giải tối đa là 7 ngày.
4. Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật là trong vòng 7 ngày.
5. Giải quyết tranh chấp: Theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 26. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng hợp đồng: không.
2. Phạt vi phạm hợp đồng:

Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 15 ngày thì phạt 1% giá hợp đồng nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

3. Bồi thường thiệt hại: Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.

Điều 27. Điều khoản chung

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Hợp đồng này có 26 trang, và 02 phụ lục được lập thành 6 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư giữ 04 bản và Nhà thầu giữ 02 bản.

**CẢNG HK QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT -
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP**

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI
TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ**

Giám đốc



Đặng Ngọc Cương

Giám đốc



Lê Đức Tình

PHỤ LỤC 01
BẢNG GIÁ TRỊ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (bao gồm VAT)
1	Đổ, chôn móc quan trắc lún cơ sở (Phục hồi, gia cố tầng cường móc RTSN2 hiện hữu.)	móc	1	67.029.969	67.029.969
2	Đo lưới khống chế mặt bằng. Đường chuyền cấp 2. Địa hình cấp 1. Bộ thiết bị GPS (3 máy)) Thực hiện từ 23h đến trước 6h sáng	điểm	6	3.616.753	21.700.518
3	Gắn móc quan trắc lún. Thực hiện từ 23h đến trước 6h sáng	móc	179	1.768.298	316.525.342
4	Dẫn độ cao từ 2 điểm độ cao nhà nước hạng I về khu vực hàng rào sân bay	km	15	6.759.949	101.399.235
5	Dẫn độ cao từ 2 điểm độ cao nhà nước hạng I vào 3 móc lún cơ sở tại khu vực đường CHC. Thực hiện từ 23h đến trước 6h sáng	km	5	3.990.721	19.953.605
6	Công tác đo lún công trình. Thực hiện từ 23h đến trước 6h sáng	chu kỳ	2	172.865.968	345.731.936
Tổng cộng					872.340.605

**CẢNG HK QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT -
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP**

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI
TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ**

Giám đốc



Đặng Ngọc Cương

Giám đốc



Lê Đức Tình

PHỤ LỤC 02
TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

TT	Nội dung công việc	Tiến độ thực hiện (ngày)					
		15	30			210	230
		Thời gian thiết lập mốc và quan trắc chu kỳ 1		Thời gian nghỉ giữa 2 chu kỳ		Thời gian quan trắc chu kỳ 2	
1	Công tác Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn – CHKQT Tân Sơn Nhất	30 ngày				20 ngày	
				180 ngày			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 12 năm 2024

BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐỢT 1

Tên Công trình : Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn - CHKQT Tân Sơn Nhất
Gói thầu số 3 : Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn - CHKQT Tân Sơn Nhất

1. Đối tượng nghiệm thu:

Công tác thiết lập mốc và quan trắc lún đường cát hạ cánh, đường lãn chu kỳ 1 của gói thầu số 3 “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn - CHKQT Tân Sơn Nhất” thuộc công trình “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn - CHKQT Tân Sơn Nhất” do Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ thực hiện.

2. Căn cứ nghiệm thu:

- Quyết định số 3651/QĐ-CHKQTTSN ngày 20/09/2024 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc phê duyệt Nhiệm vụ quan trắc lún đường CHC, đường lãn; Dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 3 “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn - CHKQT Tân Sơn Nhất” của công trình “Thiết lập mốc quan trắc lún đường CHC, đường lãn - Cảng HKQT Tân Sơn Nhất”;

- Hợp đồng số 297-24/TSN-TĐBĐ ngày 13/11/2024 giữa Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP và Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ về việc thực hiện gói thầu số 3 “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn - CHKQT Tân Sơn Nhất” thuộc công trình “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn - CHKQT Tân Sơn Nhất”;

- Hồ sơ thiết lập mốc và quan trắc lún đường cát hạ cánh, đường lãn chu kỳ 1 của gói thầu số 3 “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn - CHKQT Tân Sơn Nhất” thuộc công trình “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn - CHKQT Tân Sơn Nhất” do Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ thực hiện.



3. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

3.1. Đại diện Chủ đầu tư: *Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP*

- | | |
|-------------------------------|--------------------------|
| 1. Ông: Đặng Ngọc Cương | - Giám đốc Cảng HKQT TSN |
| 2. Ông: Bùi Văn Quyết | - Trưởng phòng TC-KT |
| 3. Ông: Nguyễn Trọng Thiên Ân | - Phó Trưởng phòng KH-ĐT |
| 4. Ông: Trần Quyết Thắng | - Giám đốc TT KTKB TSN |

3.2. Đại diện nhà thầu: *Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ*

- | | |
|-----------------------|----------------------|
| 1. Ông: Lê Đức Tình | - Giám đốc - Chủ trì |
| 2. Ông: Trần Thái Sơn | - Phụ trách kỹ thuật |

4. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

4.1. Thời gian:

Bắt đầu: lúc 09 giờ, ngày 19 tháng 12 năm 2024.

Kết thúc: lúc 10 giờ, ngày 19 tháng 12 năm 2024.

4.2. Địa điểm:

Tại công trình “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lãn - CHKQT Tân Sơn Nhất” Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất, 58 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

5. Nội dung nghiệm thu:

5.1. Chất lượng công việc:

Công tác thiết lập mốc và quan trắc lún chu kỳ 1 tuần thủ quy chuẩn xây dựng, các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm hiện hành của Nhà nước; đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Điều 8 của Hợp đồng số 297-24/TSN-TĐBĐ ngày 13/11/2024.

5.2. Khối lượng công việc:

Phù hợp với khối lượng công việc theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng số 297-24/TSN-TĐBĐ ngày 13/11/2024.

5.3. Về quy cách, số lượng hồ sơ:

Tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành và hợp đồng đã ký kết.

5.4. Tiến độ công việc: Đạt yêu cầu theo hợp đồng đã ký.

- Bắt đầu thực hiện: 19/11/2024.



- Hoàn thành công trình: 18/12/2024.

6. Kết luận nghiệm thu:

- Đạt yêu cầu, đồng ý nghiệm thu công tác thiết lập mốc và quan trắc lún chu kỳ 1 của gói thầu số 3 “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn - CHKQT Tân Sơn Nhất” thuộc công trình “Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lăn - CHKQT Tân Sơn Nhất” do Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ thực hiện.

- Biên bản này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 04 bản, bên B giữ 02 bản.

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
CẢNG HKQT TÂN SƠN NHẤT - CN
TỔNG CÔNG TY CẢNG
HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
GIÁM ĐỐC**



Đặng Ngọc Cương

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI
TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ
GIÁM ĐỐC**



Lê Đức Tình

Bùi Văn Quyết

Trần Thái Sơn

Nguyễn Trọng Thiên Ân

Trần Quyết Thắng

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

Tên công trình:Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lân - CHKQT Tân Sơn Nhất

Tên gói thầu:Gói thầu số 3: Thiết lập mốc và quan trắc lún đường CHC, đường lân - CHKQT Tân Sơn Nhất

Hợp đồng:Hợp đồng số 297-24/TSN-TĐBĐ ngày 13/11/2024

Chủ đầu tư:Cảng Hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam - CTCP

Nhà thầu:Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ

Thanh toán lần thứ:1

Căn cứ xác định:Biên bản nghiệm thu đợt 1 ngày 19 tháng 12 năm 2024.

Mã dự án:

Đơn vị: đồng

Số TT	Tên công việc	ĐVT	Khối lượng				Đơn giá thanh toán theo hợp đồng	Thành tiền				Ghi chú
			Khối lượng theo hợp đồng	Thực hiện				Theo hợp đồng	Thực hiện			
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này			Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này (Quyết toán)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	Đổ, chôn mốc quan trắc lún cơ sở (Phục hồi, gia cố tăng cường mốc RTSN2 hiện hữu.)	mốc	1	0	1	1	67.029.969	67.029.969	0	67.029.969	67.029.969	
2	Đo lưới khống chế mặt bằng. Đường chuyển cấp 2. Địa hình cấp 1. Bộ thiết bị GPS (3 máy). Thực hiện từ 23h đến trước 6h sáng	điểm	6	0	6	6	3.616.753	21.700.518	0	21.700.518	21.700.518	
3	Gắn mốc quan trắc lún. Thực hiện từ 23h đến trước 6h sáng	mốc	179	0	179	179	1.768.298	316.525.342	0	316.525.342	316.525.342	
4	Dẫn độ cao từ 2 điểm độ cao nhà nước hạng I về khu vực hàng rào sân bay	km	15	0	15	15	6.759.949	101.399.235	0	101.399.235	101.399.235	
5	Dẫn độ cao từ 2 điểm độ cao nhà nước hạng I vào 3 mốc lún cơ sở tại khu vực đường CHC. Thực hiện từ 23h đến trước 6h sáng	km	5	0	5	5	3.990.721	19.953.605	0	19.953.605	19.953.605	
6	Công tác đo lún công trình. Thực hiện từ 23h đến trước 6h sáng	chu kỳ	2	0	1	1	172.865.968	345.731.936	0	172.865.968	172.865.968	
A	TỔNG CỘNG							872.340.605	-	699.474.637	699.474.637	



Giá trị hợp đồng ban đầu (Phụ lục hợp đồng):	872.340.605 đồng
2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:	0 đồng
3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:	0 đồng
4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:	699.474.637 đồng
5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng:	0 đồng
6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này (4 x 90%)	629.527.173 đồng
Bảng chữ: Sáu trăm hai mươi chín triệu, năm trăm hai mươi bảy ngàn, một trăm bảy mươi ba đồng.	
7. Lũy kế giá trị thanh toán:	629.527.173 đồng

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
TS. Lê Đức Tình

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 1 năm 2025
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT - CN TỔNG CÔNG TY
CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

GIÁM ĐỐC

Đặng Ngọc Cương
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN
PHÒNG KẾ HOẠCH - ĐẦU TƯ

Bùi Văn Quyết
Nguyễn Trọng Thiên Ân